



# HAGL Group



## **Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
(Báo cáo tài chính của Công ty mẹ)

Quý II năm 2014

# Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	1 - 2
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	3 - 4
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	5 - 6
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	7 - 36

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.756.201.113</b>	<b>6.977.778.926</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>1.533.369.617</b>	<b>1.547.434.971</b>
111	1. Tiền	4	1.533.369.617	1.547.434.971
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư ngắn hạn</b>		<b>81.783.240</b>	<b>81.783.240</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	81.783.240
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>6.718.032.757</b>	<b>4.896.625.397</b>
131	1. Phải thu khách hàng	6	518.306.554	266.389.930
132	2. Trả trước cho người bán	7	155.804.116	174.358.988
135	3. Các khoản phải thu khác	8	6.043.922.087	4.455.876.479
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>375.670.077</b>	<b>430.469.806</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	375.670.077	430.469.806
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>47.345.422</b>	<b>21.465.512</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.027.903	3.353.890
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		23.959.598	9.327.311
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		1.133.852	919.928
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		19.224.069	7.864.383
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>14.701.178.235</b>	<b>14.749.502.651</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>3.176.716.269</b>	<b>3.636.154.213</b>
218	1. Phải thu dài hạn khác	10	3.176.716.269	3.636.154.213
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>461.739.091</b>	<b>601.569.859</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	333.697.718	345.055.354
222	Nguyên giá		440.658.486	440.944.357
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(106.960.768)	(95.889.003)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	73.783.035	64.469.255
228	Nguyên giá		77.360.406	67.103.840
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.577.371)	(2.634.585)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	54.258.338	192.045.250
<b>240</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>14</b>	<b>14.501.141</b>	<b>14.751.160</b>
241	1. Nguyên giá		15.001.180	15.001.180
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(500.039)	(250.020)
<b>250</b>	<b>IV. Các khoản đầu tư dài hạn</b>		<b>10.980.890.861</b>	<b>10.434.072.301</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	10.064.072.560	10.064.072.560
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	5.171.000	5.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác	16	942.432.451	364.999.741
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(30.785.150)	-
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>67.330.873</b>	<b>62.955.118</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	66.863.313	62.487.558
268	2. Tài sản dài hạn khác		467.560	467.560
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>23.457.379.348</b>	<b>21.727.281.577</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
vào ngày 30 tháng 6 năm 2014

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>11.918.166.352</b>	<b>10.210.923.764</b>
<b>310</b>	<b>i. Nợ ngắn hạn</b>		<b>6.576.127.561</b>	<b>5.340.419.457</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	3.139.580.210	2.531.117.421
312	2. Phải trả người bán	19	92.195.833	45.314.463
313	3. Người mua trả tiền trước	20	778.892.217	539.864.629
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21	1.577.156	36.678.722
315	5. Phải trả người lao động		9.760.139	6.689.661
316	6. Chi phí phải trả	22	369.022.978	213.643.139
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	23	2.134.918.924	1.915.062.194
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		50.180.104	52.049.228
<b>330</b>	<b>ii. Nợ dài hạn</b>		<b>5.342.038.791</b>	<b>4.870.504.307</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		8.045.918	7.890.919
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	5.333.992.873	4.862.613.388
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>11.539.212.996</b>	<b>11.516.357.813</b>
<b>410</b>	<b>i. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>25.1</b>	<b>11.539.212.996</b>	<b>11.516.357.813</b>
411	1. Vốn cổ phần		7.181.546.930	7.181.546.930
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.544.438.784	3.544.438.784
417	3. Quỹ đầu tư, phát triển		8.622.737	8.622.737
418	4. Quỹ dự phòng tài chính		231.398.596	230.027.423
420	5. Lợi nhuận chưa phân phối		573.205.949	551.721.939
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>23.457.379.348</b>	<b>21.727.281.577</b>

Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
Người lập

Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý II năm 2014

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
			Năm nay		Năm trước		
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	276.556.649	300.197.974	580.928.245	584.436.695	
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	26.1	(984.232)	(138.055)	(1.056.444)	(222.227)	
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	275.572.417	300.059.919	579.871.801	584.214.468	
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(201.296.532)	(259.246.418)	(450.429.652)	(504.191.270)	
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		74.275.885	40.813.501	129.442.149	80.023.198	
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	254.643.430	392.210.313	469.140.511	675.654.648	
22	7. Chi phí tài chính	28	(270.073.431)	(268.634.430)	(479.814.716)	(550.691.564)	
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(235.429.901)	(247.771.688)	(439.855.419)	(511.569.750)	
24	8. Chi phí bán hàng		(19.678.467)	(18.334.367)	(33.976.264)	(30.391.345)	
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(26.366.570)	(23.498.778)	(49.292.391)	(43.203.971)	
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		12.800.847	122.556.239	35.499.289	131.390.966	
31	11. Thu nhập khác	29	603.745	1.985.364	2.249.691	5.255.664	
32	12. Chi phí khác	29	(1.173.991)	(16.156.764)	(1.714.413)	(19.488.354)	
40	13. (Lỗ) lãi khác	29	(570.246)	(14.171.400)	535.278	(14.232.690)	

Ngân VNĐ

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B02a-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý II năm 2014

Ngân VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
50	14. Lợi nhuận trước thuế		12.230.601	108.384.839	36.034.567	117.158.276
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	(2.467.255)	(30.618.672)	(8.611.110)	(35.487.109)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-	-	(329.723)
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		9.763.346	77.766.167	27.423.457	81.341.444



*[Handwritten signature]*

Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
Người lập

Bà Hồ Thị Kim Chi  
Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Văn Sự  
Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý II năm 2014

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		<b>36.034.567</b>	<b>117.158.276</b>
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>			
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định	11,12,14	12.442.313	11.654.436
03	Các khoản dự phòng		30.785.150	5.391.850
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(6.478.643)	(4.151.924)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(459.663.504)	(671.001.310)
06	Chi phí lãi vay	28	439.855.419	511.569.750
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>52.975.302</b>	<b>(29.378.922)</b>
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(152.003.943)	872.300.504
10	Giảm hàng tồn kho		54.799.729	79.228.766
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		279.389.803	(67.077.005)
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(3.954.256)	45.321.737
13	Tiền lãi vay đã trả		(283.872.577)	(561.783.388)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30	(44.836.922)	(4.241.016)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.308.618)	(3.457.803)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(102.811.482)</b>	<b>330.912.873</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(14.414.930)	(18.392.931)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		159.580	-
23	Tiền chi cho vay		(3.028.128.218)	(1.098.110.511)
24	Tiền thu hồi cho vay		1.557.959.012	1.656.525.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(226.494.600)	(1.735.317.322)
26	Tiền thu từ các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		161.134.000	270.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		327.097.882	131.914.325
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(1.222.687.274)</b>	<b>(793.381.439)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

Ngàn VND

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.052.599.770
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.396.197.983	2.191.397.679
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.084.764.581)	(1.793.998.258)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		<b>1.311.433.402</b>	<b>1.449.999.191</b>
50	(Giảm) tăng tiền thuần trong kỳ		<b>(14.065.354)</b>	<b>987.530.625</b>
60	Tiền đầu kỳ	4	<b>1.547.434.971</b>	<b>782.646.261</b>
70	Tiền cuối kỳ	4	<b>1.533.369.617</b>	<b>1.770.176.886</b>



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
 Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi  
 Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sự  
 Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ  
Quý II năm 2014

**1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và hai mươi hai (22) giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Hiện tại, hoạt động chính của Công ty và các công ty con là phát triển căn hộ để bán và cho thuê; xây dựng; trồng và kinh doanh cao su, mía, cọ dầu và các loại cây trồng khác; xây dựng và kinh doanh thủy điện; khai khoáng; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VNĐ") phù hợp với Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bằng cân đối kế toán riêng giữa niên độ, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ quý II năm 2014 được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ, hàng hóa - Giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

*Quyền sử dụng đất*

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

*Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

**3.6 Khấu hao**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích khấu hao.

**3.7 Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa	50 năm
---------	--------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.7 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)**

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

**3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, vườn cao su của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Vườn cây cao su*

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

**3.9 *Thuê tài sản***

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các nghiệp vụ thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian thuê.

**3.10 *Chi phí đi vay***

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.11 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và chủ yếu là chi phí liên quan phát hành trái phiếu, giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ theo thời hạn trái phiếu;
- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 3 đến 5 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.12 Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

**3.13 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.14 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ kế toán cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm Xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ kế toán theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái và Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 ("Thông tư 179") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ như đã áp dụng nhất quán trong năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty VNĐ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Phân phối lợi nhuận thuần**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên

▶ *Quỹ dự phòng tài chính*

Quỹ này được trích lập nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài kiểm, ví dụ như hòa hoãn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và các hoạt động xã hội.

**3.17 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ chưa hoàn thiện, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- ▶ Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- ▶ Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- ▶ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ▶ Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- ▶ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch căn hộ.

*Hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)**

*Hợp đồng xây dựng (tiếp theo)*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

*Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

*Cổ tức*

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

*Thu nhập chuyển nhượng các khoản đầu tư*

Thu nhập chuyển nhượng cổ phần được ghi nhận khi các thủ tục chuyển nhượng cổ phần đã hoàn tất và các bên tham gia đã hoàn tất các nghĩa vụ theo thỏa thuận hợp đồng.

**3.18 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.18 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**4. TIỀN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Tiền gửi ngân hàng	1.532.070.903	1.546.712.424
Tiền mặt tại quỹ	1.289.624	711.344
Tiền đang chuyển	9.090	11.203
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.533.369.617</u></b>	<b><u>1.547.434.971</u></b>

**5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện giá trị ròng của Khu nghỉ dưỡng Đà Lat đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 31 tháng 3 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	179.177.036	101.925.189
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	122.192.319	-
Phải thu hợp đồng xây dựng	120.464.257	74.411.578
Phải thu tiền bán căn hộ	96.472.942	90.053.163
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>518.306.554</b>	<b>266.389.930</b>

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 274.382.772 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	153.149.389	131.871.026
Trả trước cho nhà thầu của các công trình xây dựng căn hộ và mua máy móc, thiết bị	2.654.727	42.487.962
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>155.804.116</b>	<b>174.358.988</b>

Trả trước cho người bán bao gồm khoản trả trước cho bên liên quan là 92.000.120 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

**8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải thu các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	4.391.595.512	2.834.606.377
Cho vay ngắn hạn các công ty	1.453.006.442	1.271.809.824
Phải thu từ bán khoản đầu tư	139.107.600	300.241.600
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	3.467.156	4.062.480
Các khoản khác	56.745.377	45.156.198
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.043.922.087</b>	<b>4.455.876.479</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**9. HÀNG TỒN KHO**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	279.072.637	360.052.776
Sản phẩm dở dang	45.018.692	29.632.387
<i>Trong đó:</i>		
<i>Sản xuất</i>	25.309.132	10.949.406
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	19.673.560	18.508.408
<i>Dịch vụ cung cấp</i>	36.000	174.573
Thành phẩm	18.370.574	11.219.900
Hàng hóa	17.965.161	23.154.428
Vật liệu xây dựng	9.503.393	4.952.734
Nguyên vật liệu	5.224.431	651.854
Công cụ, dụng cụ	515.189	805.727
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>375.670.077</u></b>	<b><u>430.469.806</u></b>

**10. PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC**

Phải thu dài hạn khác thể hiện khoản cho Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú ("An Phú") vay theo hợp đồng vay số 01102013/HĐV – HAGL ngày 1 tháng 10 năm 2013. Khoản vay này được bảo đảm bởi ông Đoàn Nguyên Đức, Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Khoản cho vay này có kỳ hạn ba năm kể từ ngày cho vay và có lãi suất là 13% mỗi năm. Mục đích của khoản vay này là để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Tập đoàn theo kế hoạch tái cấu trúc của Tập đoàn. Theo thỏa thuận với An Phú số 1510/2013/HĐCC/HAGL – AP ngày 15 tháng 10 năm 2013, các tài sản của An Phú sau khi thực hiện các nghĩa vụ đảm bảo khác thì số còn lại sẽ được sử dụng để đảm bảo cho khoản vay này và Công ty có quyền thu tiền từ khoản thanh lý tài sản và các dự án của An Phú.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Ngàn VNĐ
<b>Nguyên giá</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	320.323.155	60.582.987	47.848.342	3.926.700	6.689.440	1.573.733	440.944.357
Tăng trong kỳ	-	-	-	38.990	-	-	38.990
Thanh lý, nhượng bán	-	(270.461)	(54.400)	-	-	-	(324.861)
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	320.323.155	60.312.526	47.793.942	3.965.690	6.689.440	1.573.733	440.658.486
<b>Khấu hao lũy kế</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	(50.712.061)	(20.292.559)	(18.877.583)	(2.226.828)	(2.852.506)	(927.466)	(95.889.003)
Tăng trong kỳ	(4.866.080)	(2.958.094)	(2.622.659)	(225.274)	(479.617)	(97.784)	(11.249.508)
Thanh lý, nhượng bán	-	176.448	1.295	-	-	-	177.743
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	(55.578.141)	(23.074.205)	(21.498.947)	(2.452.102)	(3.332.123)	(1.025.250)	(106.960.768)
<b>Giá trị còn lại</b>							
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	269.611.094	40.290.428	28.970.759	1.699.872	3.836.934	646.267	345.055.354
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	264.745.014	37.238.321	26.294.995	1.513.588	3.357.317	548.483	333.697.718

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Ngàn VNĐ</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	62.188.433	4.915.407	67.103.840
Tăng trong kỳ	-	10.256.566	10.256.566
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>62.188.433</u>	<u>15.171.973</u>	<u>77.360.406</u>
<b>Khấu hao lũy kế</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	(2.634.585)	(2.634.585)
Tăng trong kỳ	-	(942.786)	(942.786)
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>-</u>	<u>(3.577.371)</u>	<u>(3.577.371)</u>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>62.188.433</u>	<u>2.280.822</u>	<u>64.469.255</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>62.188.433</u>	<u>11.594.602</u>	<u>73.783.035</u>

**13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</i>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	29.959.853	30.715.685
Chi phí trồng cây cao su	23.389.781	23.389.781
Thiết bị phần cứng, chi phí triển khai và bản quyền phần mềm của hãng SAP	-	129.918.903
Các công trình xây dựng khác	908.704	8.020.881
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><b>54.258.338</b></u>	<u><b>192.045.250</b></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	15.001.180
Tăng trong kỳ	<u>-</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>15.001.180</u>
<b>Giá trị hao mòn:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	(250.020)
Tăng trong kỳ	<u>(250.019)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u>(500.039)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Ngày 31 tháng 12 năm 2013	<u>14.751.160</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2014	<u><u>14.501.141</u></u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý II năm 2014

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

**15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con**

Chi tiết về các khoản đầu tư trực tiếp và các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Ngày 30 tháng 6 năm 2014		Ngày 31 tháng 12 năm 2013	
			Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
<i>Các Tổng Công ty con quản lý ngành</i>						
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	Đang hoạt động	92,13	3.830.831.000	92,13	3.830.831.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	98,18	3.253.537.647	98,18	3.253.537.647
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	92,78	1.531.579.575	92,78	1.531.579.575
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Đang hoạt động	99,78	1.241.736.052	99,78	1.241.736.052
<i>Các công ty xây dựng, kinh doanh và dịch vụ</i>						
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL	Bệnh viện	Đang hoạt động	99,00	99.000.000	99,00	99.000.000
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	51,00	59.000.000	51,00	59.000.000
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào) (i)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	80,00	26.930.800	80,00	26.930.800
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	51,85	15.800.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	55,12	4.680.000	55,12	4.680.000
Công ty Cổ phần Quản lý Bất động sản và Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Quản lý bất động sản và khách sạn	Đang hoạt động	94,50	977.486	94,50	977.486
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>10.064.072.560</b>		<b>10.064.072.560</b>

(i) Trước hoạt động thể hiện các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý II năm 2014

**15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)**  
**15.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết**

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2014			Ngày 31 tháng 12 năm 2013		
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VND
Công ty Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Dịch vụ tư vấn	500.000	25,00	5.000.000	500.000	25,00	5.000.000
Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (*)	Chăn nuôi	17.100	45,00	171.000	-	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>				<b>5.171.000</b>			<b>5.000.000</b>

(\*) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên ("BSTN") được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5900985126 ngày 28 tháng 4 năm 2014 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 1 ngày 29 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, có vốn điều lệ 200.000.000 ngàn VND và Công ty nắm giữ 45% tỷ lệ sở hữu trong BSTN, tương đương 9.000.000 cổ phần phổ thông. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2014, Công ty chưa góp đủ vốn vào BSTN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu (i)	466.444.877	116.473.034
Khoản cho Chính phủ Lào vay – Làng vận động viên SEA Games (ii)	105.619.022	104.561.755
Chi phí đất đai để phát triển Dự án Hải Châu	81.183.514	81.183.514
Các khoản đầu tư khác (iii)	289.185.038	62.781.438
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>942.432.451</b>	<b>364.999.741</b>

(i) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Dự án sân bay quốc tế Attapeu thể hiện khoản cho Chính phủ Lào vay không tính lãi theo Hợp đồng tín dụng được ký với Chính phủ Lào vào ngày 23 tháng 5 năm 2013 để hỗ trợ tài chính xây dựng sân bay quốc tế Attapeu tại Lào. Khoản vay này sẽ được cân trừ với tiền thuế và các nghĩa vụ khác phải trả cho Chính phủ Lào trong tương lai

	Đô la Mỹ	
	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2013
Số nợ gốc đầu kỳ	5.523.976	-
Tiền chi đầu tư trong kỳ	16.376.212	-
<b>Số dư nợ gốc cuối kỳ</b>	<b>21.900.188</b>	-
<b>Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)</b>	<b>466.444.877</b>	-

(ii) Khoản cho Chính phủ Lào vay – Làng vận động viên SEA Games thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản Ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Chi tiết như sau:

	Đô la Mỹ	
	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2013
Số nợ gốc đầu kỳ và cuối kỳ	4.958.949	8.958.949
<b>Số dư nợ gốc cuối kỳ (Ngàn VNĐ)</b>	<b>105.619.022</b>	<b>189.481.775</b>

(iii) Giá trị tăng thêm của các khoản đầu tư khác liên quan đến các khoản hợp tác đầu tư vào dự án trồng cao su và xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su.

**17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2013
Số dư đầu kỳ	62.487.558	136.460.631
Tăng trong kỳ	15.972.081	12.930.914
Chi phí phân bổ trong kỳ	(11.596.326)	(34.457.273)
Điều chỉnh chi phí phát hành trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu	-	(74.089.398)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>66.863.313</b>	<b>40.844.874</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Vay dài hạn ngân hàng và trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm ( <i>Thuyết minh số 24</i> )	1.726.447.919	595.012.182
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.100.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	313.132.291	836.105.239
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.139.580.210</u></b>	<b><u>2.531.117.421</u></b>

**19. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	91.384.727	44.503.357
Phải trả nhà thầu xây dựng	811.106	811.106
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>92.195.833</u></b>	<b><u>45.314.463</u></b>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả các bên liên quan là 55.322.551 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

**20. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Khách hàng thương mại trả tiền trước	741.327.537	444.609.744
Khách hàng mua căn hộ trả tiền trước	37.564.680	95.254.885
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>778.892.217</u></b>	<b><u>539.864.629</u></b>

Người mua trả tiền trước bao gồm các khoản nhận ứng trước từ các bên liên quan là 729.074.290 ngàn VNĐ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (*Thuyết minh số 31*).

**21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Thuế thu nhập cá nhân	1.201.255	935.842
Thuế giá trị gia tăng	351.304	629.442
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	35.091.960
Các khoản phải nộp khác	24.597	21.478
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.577.156</u></b>	<b><u>36.678.722</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**22. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Chi phí đi vay	362.635.262	206.652.420
Chi phí hoạt động	6.337.716	6.140.719
Các khoản khác	50.000	850.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>369.022.978</u></b>	<b><u>213.643.139</u></b>

**23. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Phải trả các bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 31</i> )	2.032.728.292	1.880.917.066
Các khoản khác	102.190.632	34.145.128
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.134.918.924</u></b>	<b><u>1.915.062.194</u></b>

**24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	Ngàn VNĐ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
Trái phiếu thường	5.796.073.000	4.146.073.000
Trái phiếu hoán đổi	1.130.000.000	1.130.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	134.367.792	181.552.570
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.060.440.792</u></b>	<b><u>5.457.625.570</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
Vay dài hạn ngân hàng và trái phiếu đến hạn trả trong vòng một năm ( <i>Thuyết minh số 18</i> )	1.726.447.919	595.012.182
Nợ dài hạn	5.333.992.873	4.862.613.388

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý II năm 2014

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
<b>25. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>						
<b>25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu</b>						
<b>Năm 2013</b>						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2012	5.373.710.490	2.880.972.568	8.622.737	223.672.692	798.857.935	9.285.836.422
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	81.341.444	81.341.444
Chào bán cổ phần phổ thông cho cổ đông hiện hữu	1.074.742.100	(22.142.330)	-	-	-	1.052.599.770
Phát hành cổ phần phổ thông để chuyển đổi trái phiếu quốc tế	733.094.340	685.608.546	-	-	-	1.418.702.886
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	4.067.072	(6.507.315)	(2.440.243)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(457.800)	(457.800)
<b>Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2013</b>	<b>7.181.546.930</b>	<b>3.544.438.784</b>	<b>8.622.737</b>	<b>227.739.764</b>	<b>873.234.264</b>	<b>11.835.582.479</b>
<b>Năm 2014</b>						
Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2013	7.181.546.930	3.544.438.784	8.622.737	230.027.423	551.721.939	11.516.357.813
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	27.423.457	27.423.457
Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	1.371.173	(2.193.877)	(822.704)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban thư ký	-	-	-	-	(3.745.570)	(3.745.570)
<b>Số dư ngày 30 tháng 6 năm 2014</b>	<b>7.181.546.930</b>	<b>3.544.438.784</b>	<b>8.622.737</b>	<b>231.398.596</b>	<b>573.205.949</b>	<b>11.539.212.996</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**25.2 Cổ phiếu**

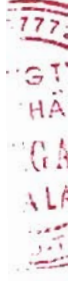
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2014 Cổ phiếu</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2013 Cổ phiếu</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	718.154.693	718.154.693
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	718.154.693	718.154.693
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>718.154.693</i>	<i>718.154.693</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	718.154.693	718.154.693
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>718.154.693</i>	<i>718.154.693</i>

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý II năm 2014

26. DOANH THU	Ngân VNĐ					
	Quý II			Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này		
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm nay	Năm trước	Năm trước
<b>26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>	<b>276.556.649</b>	<b>300.197.974</b>	<b>580.928.245</b>	<b>584.436.695</b>		
<i>Trong đó:</i>						
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	159.777.797	178.549.680	324.690.933	355.152.425		
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	77.451.061	57.145.762	114.972.888	101.594.324		
Doanh thu căn hộ	18.059.493	44.719.664	102.671.623	91.914.039		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.268.298	19.782.868	38.592.801	35.775.907		
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(984.232)</b>	<b>(138.055)</b>	<b>(1.056.444)</b>	<b>(222.227)</b>		
Hàng bán bị trả lại	(904.000)	(34.171)	(904.000)	(34.171)		
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(80.232)	(103.884)	(152.444)	(188.056)		
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>275.572.417</b>	<b>300.059.919</b>	<b>579.871.801</b>	<b>584.214.468</b>		
<i>Trong đó:</i>						
Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa	158.873.797	178.515.509	323.786.933	355.118.254		
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	77.451.061	57.145.762	114.972.888	101.594.324		
Doanh thu căn hộ	18.059.493	44.719.664	102.671.623	91.914.039		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.188.066	19.678.984	38.440.357	35.587.851		



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý II năm 2014

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Ngân VNĐ			
	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay (*)	231.466.956	(57.971.285)	435.132.457	210.641.252
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.442.837	19.734.260	23.930.949	34.566.058
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.733.637	4.653.338	8.733.637	4.653.338
Thu nhập từ các khoản đầu tư	-	422.294.000	1.343.468	422.294.000
Cổ tức nhận được	-	3.500.000	-	3.500.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>254.643.430</b>	<b>392.210.313</b>	<b>469.140.511</b>	<b>675.654.648</b>

(\*) Trong quý II năm 2013, Công ty đã điều chỉnh giảm lãi cho vay đối với các công ty con. Số tiền lãi cho vay các công ty con giảm được điều chỉnh của quý I năm 2013 là 166.442.000 ngàn VNĐ.

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngân VNĐ			
	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn sản phẩm, hàng hóa	120.160.801	150.600.738	253.482.789	307.859.707
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	53.136.513	51.868.081	83.721.146	91.423.308
Giá vốn căn hộ	12.809.329	41.679.269	80.980.140	74.982.118
Giá vốn dịch vụ cung cấp	15.189.889	15.098.330	32.245.577	29.926.137
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>201.296.532</b>	<b>259.246.418</b>	<b>450.429.652</b>	<b>504.191.270</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý II năm 2014

**28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Ngàn VNĐ			
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
	Quý II		Năm trước	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	
Chi phí lãi vay	235.429.901	247.771.688	439.855.419	511.569.750
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	30.785.150	6.000.000	30.785.150	6.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	3.778.379	13.089.914	6.988.033	27.976.539
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	(475.150)	2.106.113	1.382.675
Các khoản khác	80.001	2.247.978	80.001	3.762.600
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>270.073.431</b>	<b>268.634.430</b>	<b>479.814.716</b>	<b>550.691.564</b>

**29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VNĐ			
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này			
	Quý II		Năm trước	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	
<b>Thu nhập khác</b>	<b>603.745</b>	<b>1.985.364</b>	<b>2.249.691</b>	<b>5.255.664</b>
Trên thu thanh lý tài sản cố định	-	2.295.560	159.580	2.907.970
Trên bồi thường nhận được	-	1.795.672	-	1.795.672
Các khoản khác	603.745	(2.105.868)	2.090.111	552.022
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.173.991)</b>	<b>(16.156.764)</b>	<b>(1.714.413)</b>	<b>(19.488.354)</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(755.832)	(2.295.560)	(902.950)	(2.903.470)
Các khoản phạt	-	(15.871.213)	-	(15.871.213)
Các khoản khác	(418.159)	2.010.009	(811.463)	(713.671)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>(570.246)</b>	<b>(14.171.400)</b>	<b>535.278</b>	<b>(14.232.690)</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 22% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>6 tháng năm 2014</i>	<i>6 tháng năm 2013</i>
Thuế TNDN hiện hành	8.611.110	33.342.031
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	-	2.145.078
	<b>8.611.110</b>	<b>35.487.109</b>
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	329.723
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>8.611.110</b>	<b>35.816.832</b>

*Thuế TNDN hiện hành*

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong kỳ được tính như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý II năm 2014

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Ngân VNĐ	
	6 tháng năm 2014	6 tháng năm 2013
Lợi nhuận trước thuế	36.034.567	117.158.276
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán		
Các khoản chi phí không được khấu trừ	9.267.341	9.334.691
Các khoản phạt	318.142	15.845.973
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	(1.318.891)
Thu nhập cổ tức	-	(3.500.000)
Các khoản khác	(6.478.643)	(4.151.924)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính</b>	<b>39.141.407</b>	<b>133.368.125</b>
Chi phí thuế TNDN ước tính	8.611.110	33.342.031
Trích thiếu chi phí thuế TNDN trong các năm trước theo biên bản quyết toán thuế	-	2.145.078
<b>Chi phí thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>8.611.110</b>	<b>35.487.109</b>
Thuế TNDN phải trả đầu năm	35.091.960	36.707.117
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(44.836.922)	(4.241.016)
Thuế TNDN phải trả cần trừ với thuế GTGT đầu vào được khấu trừ theo thông báo của cơ quan thuế	-	(35.310.664)
<b>Thuế TNDN phải trả cuối kỳ</b>	<b>(1.133.852)</b>	<b>32.642.546</b>

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

			Ngân VNĐ
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	116.089.170
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	41.066.015
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	75.555.580
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	15.728.719
		Bán tài sản cố định	105.180
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa, dịch vụ	49.238.625
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.952.370
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	1.481.252
		Doanh thu khác	90.700
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	49.044.715
		Doanh thu khác	3.100

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số tiền
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	35.483.229
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	2.446.573
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.417.706
		Doanh thu khác	2.746
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	22.744.410
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	13.998.850
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.604.393
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	19.790.282
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.427.422
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng hoá và dịch vụ	13.703.301
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	4.983.062
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	17.440.180
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	12.491.407
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	11.241.667
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí quảng cáo	6.500.000
		Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.556.843
		Doanh thu bán hàng hóa và dịch vụ	474.342
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	6.683.941
		Mua dịch vụ	883.316
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Doanh thu bán hàng và hợp đồng xây dựng	4.482.153
		Lãi vay từ các khoản cho công ty con vay	670.833
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	3.605.053

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

			Ngân VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b>Các khoản phải thu khách hàng</b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	61.100.628
		Bán hàng hóa và dịch vụ	51.114.231
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	52.148.296
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	48.671.742
		Bán hàng hóa và dịch vụ	337.534
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	13.913.133
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	9.359.740
Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	7.008.074
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.527.619
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán tài sản cố định	6.953.106
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	5.618.517
		Phải thu bán tài sản cố định	105.180
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa	6.210.514
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	4.173.740
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu hợp đồng xây dựng	1.641.819
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Bán hàng hóa	1.313.268
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.106.308
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	2.079.323
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>274.382.772</u></b>
<b>Khoản trả trước cho người bán</b>			
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước dịch vụ quảng cáo	<u>92.000.120</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b>Các khoản phải thu khác</b>			
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	1.622.230.658
		Phải thu chuyển nhượng cổ phần	9.461.180
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	768.044.715
		Chi phí trả hộ	982.380
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	614.870.934
		Chi phí trả hộ	118.548
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	445.480.053
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	397.504.621
		Chi phí trả hộ	145.952
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	274.548.620
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	56.034.833
		Chi phí trả hộ	890.871
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi phí trả hộ	53.766.178
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi phí trả hộ	42.783.578
Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai – Kontum	Công ty con	Cho mượn tạm	30.712.435
		Chi phí trả hộ	23.441
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	29.864.209
		Chi phí trả hộ	23.683
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Cho mượn tạm	24.125.417
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con	Cho mượn tạm	18.791.500
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	1.191.706
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>4.391.595.512</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
Quý II năm 2014

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau (tiếp theo):

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số dư</i>
<b><i>Các khoản phải trả người bán</i></b>			
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	53.898.285
Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	808.520
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Các khoản khác	615.746
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>55.322.551</u></b>
<b><i>Các khoản người mua trả tiền trước</i></b>			
Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	143.395.498
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	121.217.090
Công ty Cổ phần Hoàn Anh Đắk Lắk	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	114.095.780
Công ty TNHH Hoàng Anh An Đông Meas	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	109.558.424
Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	98.649.246
Công ty TNHH Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	97.853.180
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	41.418.762
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Ứng trước tiền mua hàng hóa	2.886.310
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>729.074.290</u></b>
<b><i>Các khoản phải trả khác</i></b>			
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	1.252.843.238
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	489.375.279
Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất nhập Khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Vay mượn tạm	280.157.959
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Công ty con	Chi hộ	6.093.450

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)  
 Quý II năm 2014

**31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau (tiếp theo):

			Ngân VNĐ
Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Số dư
<b>Các khoản phải trả khác (tiếp theo)</b>			
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Chi hộ	3.808.366
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh – Quang Minh	Công ty con	Vay mượn tạm	450.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b><u>2.032.728.292</u></b>

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hay công bố trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Bà Nguyễn Thị Đỗ Quyên  
 Người lập



Bà Hồ Thị Kim Chi  
 Kế toán trưởng




Ông Nguyễn Văn Sự  
 Tổng Giám đốc

Ngày 13 tháng 8 năm 2014